

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ - PT

Ngày: 14- 5-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Lữ Thị Phương Quý – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1974, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn S, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn S, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2020 và bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh và chị Q kết hôn với nhau năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Quê của anh). Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 9/2003 do anh làm ăn thua lỗ, vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, anh bỏ nhà lên huyện Cẩm Thủy sinh sống và làm việc một mình. Năm 2004, chị Q có tìm đến nơi anh sinh sống và xin ở lại, do thương con nên anh đồng ý cho chị Q ở lại, chị Q ở nhà

nội trợ còn anh làm nghề sửa chữa xe ô tô. Trong suốt thời gian từ năm 2004 cho đến nay vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau chị Q hay dùng những lời lẽ xúc phạm anh dẫn đến ảnh hưởng nặng nề về tinh thần. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

Bị đơn chị Lê Thị Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị và anh K trình bày như trên là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh chị sống với nhau hai mươi năm chưa có một mâu thuẫn lớn nào. Những ý kiến anh K trình bày về mâu thuẫn vợ chồng là không đúng thực tế. Vì bản thân chị không hề có lỗi gì, chị luôn vì chồng, vì con, đôi khi vợ chồng có nói to tiếng nhưng xong rồi bỏ qua cho nhau vẫn lo làm ăn bình thường. Mỗi khi anh K đi qua đêm về chị có hỏi nhưng anh K không nói là đi đâu mà còn quát và chửi chị. Nay anh K có đơn xin ly hôn chị không đồng ý, chị muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn S - sinh ngày 27/12/2000 và cháu Nguyễn Tuấn T - sinh ngày 26/7/2007. Cháu Nguyễn Tuấn S đã thành niên, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Tuấn T và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy đã quyết định:

Áp dụng điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh K được ly hôn chị Q.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Tuấn S – sinh ngày 27/12/2000 và cháu Nguyễn Tuấn T – sinh ngày 26/7/2007. Cháu S đã đủ tuổi thành niên, cháu muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của cháu. Giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên, chị Q không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 09/3/2021, bị đơn là chị Lê Thị Q có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm. Chị Q không đồng ý ly hôn vì trong khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh K không có trách nhiệm với gia đình, bỏ nhà đi ăn ở với người khác.

Mặt khác, còn nhiều vấn đề cần giải quyết như trách nhiệm nuôi con, công nợ, tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

Về hôn nhân: Chị Q không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa các chứng cứ chứng minh cho mối quan hệ hôn nhân của anh chị đang tồn tại hạnh phúc. Hiện nay anh K không ở cùng nhà với chị Q, quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Chị cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh K không có trách nhiệm với gia đình và con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Q vẫn xin được đoàn tụ, theo chị Q nếu vợ chồng ly hôn phải để các con thành niên hoặc anh K phải giải quyết dứt điểm về tài sản với chị. Tuy nhiên, tồn tại quan hệ hôn nhân vợ chồng phải từ hai phía trong khi đó anh K vẫn tha thiết xin ly hôn nên nếu vẫn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này anh chị cũng sống không hạnh phúc. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa anh K và chị Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho anh K được ly hôn chị Q là có cơ sở.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, Cháu S đã thành niên, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh chị đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng. Do đó, xét nguyện vọng của cháu T muốn ở với mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu cho chị Q nuôi là đúng.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, anh K đề nghị Tòa án giải quyết về hôn nhân, con chung, còn phần tài sản và công nợ anh không yêu cầu giải quyết. Chị Q cũng không yêu cầu giải quyết về phần tài sản, công nợ nên cấp sơ thẩm không xem xét. Chị Q kháng cáo việc Tòa án chưa giải quyết về tài sản và công nợ là không đúng. Chị Q có quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác về tài sản và công nợ nếu có căn cứ.

Vì vậy chị Q kháng cáo bản án sơ thẩm xem xét chưa đầy đủ là không có cơ sở.

Từ phân tích trên không chấp nhận kháng cáo của chị Q, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên chị Lê Thị Q phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Q. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Lê Thị Q.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Tuấn S, sinh ngày 27/12/2000 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 26/7/2007. Cháu S đã đủ tuổi thành niên, cháu muốn ở với ai là tùy nguyện vọng của cháu. Giao cháu T cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 3452 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy (chị Q đã nộp đủ tiền án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thủy

